

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH EFL TẠI VIỆT NAM: MỘT NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH

Phạm Thị Thúy*
Email: ptthuy.nn@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 07/05/2024

Ngày phản biện đánh giá: 14/11/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/11/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.489

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ đã trở thành một xu hướng và nhu cầu thiết yếu (M. R. Ahmadi, 2018). Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc tích hợp các công nghệ mới vào lớp học tiếng anh như một ngoại ngữ [English as a Foreign Language –(EFL)]. Trong nghiên cứu (NC) này, Nhà nghiên cứu (NNC) tập trung vào khảo sát các yếu tố về độ tuổi, trình độ CNTT và nhận thức của giảng viên. NNC đã sử dụng bảng câu hỏi gồm 21 câu hỏi với sự tham gia của 30 giảng viên EFL tại khoa Ngoại Ngữ, Đại học Kinh tế- Kỹ Thuật Công nghiệp (UNETI). Kết quả cho thấy sự khác nhau về độ tuổi của giảng viên trong tích hợp CNTT không có hạn chế nào đáng kể. Tuy nhiên, điều đáng bàn là cả trình độ và nhận thức của giảng viên về CNTT có sự khác biệt rõ rệt khi ứng dụng tích hợp CNTT trong lớp học EFL tại UNETI. Nhà trường cần có chính sách khích lệ giảng viên tập trung vào bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và hỗ trợ họ về tích hợp CNTT, bên cạnh đó cũng nên cung cấp cho lớp học thiết bị hỗ trợ học tập như máy tính và bảng thông minh giúp sinh viên tiếp cận CNTT tân tiến, để quá trình học của các em có nhiều thuận lợi.

Từ khóa: tích hợp công nghệ, độ tuổi, trình độ công nghệ và nhận thức của giảng viên EFL.

I. Đặt vấn đề

Ngày nay, việc tích hợp CNTT rộng rãi là một trong những phương pháp quan trọng nhất mà giáo viên sử dụng. Tích hợp CNTT trong lớp học đề cập đến việc nâng cao môi trường giáo dục bằng CNTT (Ahmadi, 2018). Giáo viên có thể sử dụng

CNTT để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giảng dạy, và sử dụng các nguồn lực khác nhau để thúc đẩy những người học khác nhau. Do đó, phương pháp này có lợi cho cả người có trình độ CNTT cao và thấp. CNTT giúp nâng cao hơn quá trình học tập của những người có thành tích cao; đồng thời, có thể giúp những người có thành tích

* Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

thấp tiếp cận thêm tài liệu để giúp họ hiểu bài học chính xác hơn. Hơn nữa, bằng cách sử dụng CNTT, người học có thể tiếp cận nhiều thông tin hơn và họ có thể kiểm soát được quá trình học tập của mình (Pourhosein Gilakjani & Sabouri, 2014).

Bên cạnh những ưu điểm mà tích hợp CNTT đem lại, vẫn có một số yếu tố ảnh hưởng khi triển khai liên quan đến giáo viên, vì họ là người dẫn dắt quá trình học tập. NNC tập trung khảo sát vào các yếu tố về độ tuổi, trình độ và nhận thức của giảng viên về CNTT.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong NC này, ba yếu tố liên quan đến giảng viên có tác động đáng kể nhất đến việc triển khai CNTT: độ tuổi, trình độ CNTT và nhận thức của giảng viên về CNTT.

2.1. Độ tuổi của giảng viên và tích hợp CNTT trong giảng dạy

Độ tuổi của giảng viên là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT mới trong lớp học. Henry (2008) đã NC mối quan hệ giữa độ tuổi, giới tính và tính cách của các giảng viên đại học trong việc triển khai CNTT. Các phát hiện minh họa cho tác động tích cực của độ tuổi đối với việc triển khai CNTT. NC chỉ ra rằng giảng viên lớn tuổi có xu hướng triển khai CNTT trong lớp học của họ nhiều hơn so với giảng viên trẻ tuổi. Theo Henry (2008), các giảng viên lớn tuổi có thể thoải mái hơn với nội dung của họ, điều này cho phép họ cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng các phương pháp giảng dạy mới liên quan đến CNTT.

Tuy nhiên, một số NC cho rằng độ tuổi không ảnh hưởng đến việc sử dụng CNTT

trong lớp học. Mahdi và Al-Dera (2013) đã tiến hành một NC trong số các giáo viên tiếng EFL tại Ả Rập để khám phá tác động của độ tuổi, kinh nghiệm và giới tính của giáo viên đối với việc tích hợp CNTT và truyền thông vào việc giảng dạy ngôn ngữ. Các phát hiện của NC không minh họa bất kỳ tác động nào của độ tuổi của giáo viên đối với việc sử dụng CNTT. Tuy nhiên, NC này không được tiến hành trên một mẫu lớn những người tham gia, vì vậy các phát hiện chưa thể được khái quát hóa.

2.2. Trình độ và tích hợp CNTT của giảng viên trong giảng dạy

Một yếu tố khác là trình độ CNTT của giảng viên, khả năng và sự tự tin trong việc sử dụng hiệu quả các ứng dụng phần mềm khác nhau như (Zhao, Pugh, Sheldon & Byers, 2002) sẽ ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT trong lớp học. Cụ thể, nếu giảng viên thiếu năng lực và sự tự tin trong việc sử dụng CNTT, giảng viên sẽ không thể triển khai CNTT trong lớp học. (Jones, 2004). Al-Asmadi (2005) đã tiến hành một NC về giáo viên EFL tại bốn trường cao đẳng công nghệ chính ở Ả Rập Xê Út. NC chỉ ra rằng những người tham gia thậm chí hiếm khi sử dụng Internet như một công cụ hướng dẫn. Tuy nhiên, các giáo viên trong NC này thể hiện họ có sự quan tâm đến việc sử dụng CNTT, và họ thừa nhận CNTT hữu ích nếu họ có thể sử dụng đúng cách trong giảng dạy; do đó, NC kết luận rằng điều quan trọng là phải cung cấp cho giáo viên các khóa đào tạo về tích hợp CNTT (Al-Asmari, 2005). Các NC khác cho thấy rằng những giáo viên được hỗ trợ cho sự phát triển chuyên môn liên quan đến CNTT phải có trình độ tích hợp CNTT cao hơn người tham gia trong lớp học của họ (Hastings, 2009).

2.3. Nhận thức của giảng viên và tích hợp CNTT trong giảng dạy

Nhận thức của giảng viên về việc sử dụng CNTT trong lớp học là một yếu tố chính ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT. Niềm tin của giảng viên có liên quan trực tiếp đến phương pháp giảng dạy mà họ áp dụng trong lớp học của mình (Kagan, 1992, trích dẫn trong Alsaied, 2016). Nói cách khác, nếu giảng viên có nhận thức tích cực về tích hợp CNTT, họ có nhiều khả năng áp dụng phương pháp này và áp dụng hiệu quả vào việc giảng dạy EFL.

NC đã chỉ ra rằng giảng viên nhận thức về tích hợp CNTT theo cách khác nhau. Một số giảng viên coi CNTT là một công cụ cải thiện và hỗ trợ việc học (Mollaie & Riasati, 2013). Một NC do Ayin (2013) cho thấy hầu hết giáo viên đều đồng ý rằng CNTT giúp người học hiểu rõ hơn về các khái niệm mới và giúp họ tư duy sáng tạo. Tuy nhiên, Saqlani và Mahmood (2013) báo cáo rằng mặc dù những người tham gia có quan điểm tích cực về tích hợp CNTT, nhưng họ vẫn lo lắng và băn khoăn về việc sử dụng CNTT trong quá trình giảng dạy. Nguyên nhân của sự lo lắng này là do giáo viên chưa có khả năng vượt qua những khó khăn về mặt kỹ thuật mà họ gặp phải khi áp dụng các CNTT mới. Họ đồng ý rằng được đào tạo đầy đủ sẽ giúp họ tự tin hơn trong việc tích hợp CNTT (Saqlani & Mahmood, 2013).

Các yếu tố như độ tuổi, trình độ và nhận thức về CNTT của giảng viên ảnh hưởng đến việc triển khai CNTT trong lớp học; tuy nhiên, rất ít NNC đã khảo sát sự kết hợp của ba yếu tố này đối với các giảng viên EFL. Do đó, mục đích chính của NC này là khám phá mối quan hệ giữa

các yếu tố này và việc tích hợp CNTT của giảng viên EFL. NNC đề cập đến các câu hỏi NC sau:

1. Mối quan hệ giữa độ tuổi và việc tích hợp CNTT của giảng viên trong các lớp học EFL tại UNETI là gì?

2. Mối quan hệ trình độ và việc tích hợp CNTT của giảng viên trong các lớp học EFL tại UNETI là gì?

3. Mối quan hệ giữa nhận thức và việc tích hợp CNTT của giảng viên vào các lớp học tiếng Anh EFL tại UNETI là gì?

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng tham gia

30 giảng viên tiếng Anh EFL của UNETI có số năm kinh nghiệm giảng dạy khác nhau đã tham gia vào NC này. Một số giảng viên dưới 40 tuổi và một số trên 40 tuổi. Tất cả những người tham gia đều không phải là người bản ngữ nói tiếng Anh.

3.2. Phương pháp NC

NNC đã sử dụng phương pháp NC định lượng để trả lời các câu hỏi NC. Theo Dornyei (2007), mục đích của phương pháp định lượng là xác định và đo lường mối quan hệ giữa các biến khác nhau. NNC sử dụng bảng câu hỏi mà đã được áp dụng và phát triển dựa trên một dự án do Trung tâm NC Học tập và Hiệu suất (CSLP) tại Đại học Concordia ở Montreal đã thực hiện.

3.3. Quy trình

NNC đã sử dụng công cụ bảng câu hỏi trực tuyến của Google vì công cụ này cho phép bảng câu hỏi thuận lợi cho các giảng viên thực hiện. Bảng câu hỏi bao gồm 21 mục nhằm kiểm tra ba yếu tố: độ tuổi, trình độ và nhận thức về tích hợp CNTT của các giảng viên EFL. Bảng câu hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert năm mục

từ 1 (hoàn toàn đồng ý) đến 5 (hoàn toàn không đồng ý). Một NC thí điểm đã được tiến hành để đảm bảo tính hợp lệ của kết quả. Sau đó, một hệ số alpha Cronbach đã được sử dụng để xác định độ tin cậy của bảng câu hỏi, đưa ra điểm số là 0,93.

3.4. Phân tích phương pháp

NNC đã phân tích dữ liệu bằng phần mềm Statistical Package for Social Sciences (SPSS), đây là phần mềm được sử dụng để phân tích dữ liệu thống kê phức tạp (Pallant, 2011). NNC bắt đầu bằng thống kê mô tả để tìm ra các giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và tần suất của các phản hồi. Hơn nữa, kết quả của bài kiểm tra này cho thấy cách các phản hồi được phối hợp với những người tham gia dưới 40 tuổi so với những người trên 40 tuổi. Sau đó, NNC đã tiến hành một bài kiểm tra tương quan Pearson để xác định mối quan hệ giữa độ tuổi, trình độ và nhận thức của giảng viên về việc tích hợp CNTT trong lớp học. Một phân tích tương quan đã được sử dụng để mô tả mối quan hệ giữa các biến (Pallant, 2011).

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

NNC đặt mục tiêu kiểm tra ba biến (độ tuổi, trình độ và nhận thức của giảng

Bảng 2. Thống kê mô tả về trình độ CNTT của giảng viên (tính theo tỉ lệ %)

Nội Dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Tôi có thể áp dụng những gì tôi biết về CNTT vào lớp học.	65.8	13.2	10.5	5.3	5.3	1.71	1.18
2. Tôi có thể sử dụng CNTT như một công cụ hỗ trợ giảng dạy và đã tích hợp CNTT vào chương trình giảng dạy.	55.3	21.1	13.2	5.3	5.3	1.84	1.17
3. Tôi có thể sử dụng nhiều ứng dụng máy tính khác nhau.	47.4	15.8	23.7	7.9	5.3	2.08	1.23
4. Tôi thành thạo trong việc sử dụng nhiều loại công nghệ máy tính khác nhau.	34.2	23.7	18.4	13.2	10.5	2.42	1.36

viên về CNTT) khi tích hợp CNTT trong các lớp học tiếng Anh EFL. Để có được cái nhìn tổng quan và mô tả dữ liệu mà người tham gia nhận được, NNC bắt đầu bằng thống kê mô tả và sau đó tiến hành kiểm tra hệ số tương quan Pearson để tìm mối quan hệ giữa các biến khác nhau.

4.1.1. Thống kê mô tả

Dữ liệu mô tả bao gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và tần suất phản hồi từ người tham gia.

Bảng 1. Độ tuổi của giảng viên

Nhóm tuổi	Số lượng người tham gia	Tỉ lệ (%)
Dưới 40	20	60
Trên 40	10	40
Tổng	30	100

Bảng 1 cho thấy tổng cộng có 30 giảng viên tham gia NC này, 20 người trong số họ dưới 40 tuổi, trong khi 10 người trên 40 tuổi. NNC đã chia những người tham gia thành hai nhóm tuổi này để giúp xác định xem độ tuổi của giảng viên có tác động đến việc tích hợp CNTT trong các lớp học EFL hay không.

Về việc khám phá trình độ CNTT của giảng viên, Bảng 2 cung cấp tóm tắt về phản hồi của họ.

Nội Dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
5. Tôi tích hợp công nghệ máy tính vào các hoạt động giảng dạy của mình.	39.5	31.6	21.1	5.3	2.6	2.00	1.04
6. Tôi cảm thấy rằng tôi cần được đào tạo nhiều hơn về việc sử dụng CNTT để giảng dạy.	2.6	18.4	28.9	18.4	31.6	3.58	1.20
7. Tôi thấy khó có thể áp dụng CNTT vào lớp học.	13.2	21.1	23.7	7.9	34.2	2.45	1.38

Bảng 2 cho thấy giảng viên có trình độ CNTT cao. Từ phản hồi cho câu 1 với 65,8 % và 2 với 55,3 thể hiện hơn một nửa giảng viên có khả năng tích hợp CNTT vào lớp học của họ. Ở mục 6 với 31.6 % và mục

7 với 34.2% cho thấy giảng viên cảm thấy thành thạo trong việc sử dụng CNTT.

Liên quan đến nhận thức của giảng viên về việc triển khai CNTT, Bảng 3 đưa ra phân tích về các phản hồi từ người tham gia.

Bảng 3. Thống kê mô tả nhận thức của giảng viên về CNTT (tính theo tỉ lệ %)

Nội Dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Việc sử dụng CNTT giúp tôi giảm bớt áp lực với tư cách là một giảng viên.	65.8	13.2	5.3	5.3	10.5	1.82	1.37
2. CNTT đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập.	71.1	15.8	2.6	2.6	7.9	1.61	1.19
3. Việc sử dụng CNTT giúp cải thiện sự hiểu biết của sinh viên về bài học.	57.9	23.7	10.5	2.6	5.3	1.74	1.10
4. CNTT là một công cụ giảng dạy có giá trị.	68.4	13.2	7.9	0	10.5	1.71	1.29
5. CNTT thúc đẩy sinh viên tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập.	68.4	15.8	7.9	5.3	2.6	1.58	1.03
6. Việc sử dụng CNTT khiến sinh viên bỏ bê các nguồn học tập truyền thống quan trọng (ví dụ: sách thư viện).	0	18.4	18.4	26.3	36.8	3.82	1.13
7. CNTT đòi hỏi phải đào tạo kỹ năng phần mềm, mất quá nhiều thời gian.	7.9	15.8	18.4	34.2	23.7	3.50	1.24

Kết quả trình bày trong Bảng 3 cho thấy giảng viên coi CNTT góp phần tích cực trong việc giảng dạy. Phần lớn giảng viên đồng ý mạnh mẽ với các nội dung 1-5. Tuy nhiên, một số lượng lớn giảng

viên không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý với các nội dung 6 và 7.

Cuối cùng, tóm tắt về biến độc lập, liên quan đến việc khám phá việc triển khai CNTT trong lớp học, được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Thống kê mô tả về việc triển khai CNTT (tính theo tỉ lệ %)

Nội Dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Tôi sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để đưa CNTT vào chương trình giảng dạy của mình.	36.8	34.2	21.1	2.6	5.3	2.05	1.08
2. Tôi lập kế hoạch và tích hợp các hoạt động học tập dựa trên CNTT nhằm thúc đẩy sự tham gia của sinh viên vào các kỹ năng tư duy bậc cao.	42.1	31.6	7.9	13.2	5.3	2.08	1.23
3. Tôi cố gắng sử dụng nhiều ứng dụng máy tính nhất có thể.	31.6	28.9	21.1	7.9	10.5	2.37	1.30
4. Tôi sử dụng CNTT mới trong lớp học.	36.8	26.3	18.4	13.2	5.3	2.24	1.24
5. Tôi giới thiệu cho sinh viên của mình những công nghệ mới.	39.5	36.8	15.8	2.6	5.3	1.97	1.07
6. Tôi tích hợp CNTT giúp cải thiện sự hiểu biết của sinh viên.	60.5	18.4	13.2	5.3	2.6	1.71	1.06
7. CNTT là thành phần cơ bản của lớp học của tôi.	50.0	15.8	23.7	5.3	5.3	2.00	1.20

Kết quả trong Bảng 4 cho thấy giảng viên tích hợp CNTT vào lớp học của họ. Một số giảng viên cũng coi CNTT là một công cụ thiết yếu và cơ bản trong lớp học.

4.1.2. Kiểm tra tương quan Pearson

NNC nêu ra ba câu hỏi và để trả lời chúng, cần có một kiểm tra hệ số tương quan Pearson. Bảng 5 cung cấp tóm tắt về mối tương quan giữa các biến.

Bảng 5. Các mối tương quan

Độ tuổi	Pearson Tương quan	1	.057	.260	.110
	Xác Suất		.734	.115	.512
	Số lượng	30	30	30	30
Nhận thức	Pearson Tương quan	.057	1	.671**	.816**
	Xác Suất	.734		.000	.000
	Số lượng	30	30	30	30
Mức độ thành thạo	Pearson Tương quan	.260	.671**	1	.876**
	Xác Suất	.115	.000		.000
	Số lượng	30	30	30	30
Thực hiện	Pearson Tương quan	.110	.816**	.876**	1
	Xác Suất	.512	.000	.000	
	Số lượng	30	30	30	30

***. Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01.*

Câu hỏi NC đầu tiên: “Mối quan hệ giữa độ tuổi và việc tích hợp CNTT của giảng viên trong các lớp học EFL tại UNETI là gì?” Kết quả cho thấy có mối tương quan giữa độ tuổi ($TB=1,34$, tương quan $=.481$) và việc tích hợp CNTT ($TB=12,70$, xác suất $=5,82$) và mối tương quan không có ý nghĩa thống kê [tương quan $=.110$, xác suất $=512$].

Câu hỏi NC thứ hai “Mối quan hệ giữa trình độ và việc tích hợp CNTT của giảng viên trong các lớp học EFL tại UNETI là gì?” Kết quả cho thấy có mối tương quan lớn giữa trình độ ($TB=13,98$, $SD=5,21$) và việc tích hợp CNTT ($TB=12,70$, $SD=5,82$) và mối tương quan có ý nghĩa thống kê [tương quan $=.876$, xác suất $=000$].

Câu hỏi cuối cùng: “Mối quan hệ giữa nhận thức và việc tích hợp CNTT của giảng viên trong các lớp học EFL tại UNETI là gì?” Kết quả cho thấy có mối tương quan cao giữa nhận thức của giảng viên ($TB=12,76$, xác suất $=5,29$) và việc tích hợp CNTT ($TB=12,70$, xác suất $=5,82$) và mối tương quan có ý nghĩa thống kê [tương quan $=.816$, xác suất $=000$].

4.2. Thảo luận

NNC tập trung vào ba câu hỏi về cách ba yếu tố (tuổi của giảng viên, trình độ và nhận thức về CNTT) ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT trong các lớp học EFL tại UNETI từ phân tích kết quả ở phần trên. NNC đã sử dụng thống kê mô tả để phân tích dữ liệu do người tham gia cung cấp. Sau đó, NNC đã áp dụng một bài kiểm tra tương quan Pearson để trả lời các câu hỏi NC.

Về câu hỏi NC đầu tiên, sự ảnh hưởng không đáng kể khi giữa tuổi của giảng viên khi tích hợp CNTT. NC này hỗ trợ một số tài liệu hiện có về tác động của độ tuổi đối với tích hợp CNTT (Mahdi

2013; Tweed, 2103). Tuy nhiên, Henry (2008) cho rằng tuổi của giảng viên có tác động tích cực đến tích hợp CNTT. Liên quan đến tranh luận này với các tài liệu hiện có khác, cần lưu ý rằng chỉ có 30 giảng viên tham gia NC này, trong đó 60% dưới 40 tuổi và 40% trên 40 tuổi. Kết quả có thể thay đổi nếu cả hai nhóm có cùng số lượng người tham gia.

Câu hỏi NC thứ hai cho thấy có mối tương quan mạnh mẽ khi đề cập đến mối quan hệ giữa trình độ và khả năng tích hợp CNTT của giảng viên. Phát hiện này hỗ trợ cho khuyến nghị của Hastings (2009) rằng các tổ chức giáo dục nên cung cấp cho giáo viên chương trình phát triển chuyên môn giúp họ tích hợp CNTT hiệu quả trong lớp học. Hastings (2009) nhận thấy giáo viên nhận được chương trình phát triển chuyên môn về CNTT có xu hướng tích hợp CNTT vào lớp học của họ ở mức độ nhiều hơn. Ngoài ra, những phát hiện của NC hiện tại có thể liên quan đến những phát hiện của Al-Asmari (2005), những người tham gia có trình độ và khả năng tích hợp CNTT thấp thì có nhu cầu được đào tạo.

Câu hỏi NC cuối cùng, các phát hiện cho thấy một mối quan hệ chặt chẽ liên quan đến nhận thức và tích hợp CNTT của giảng viên, họ có nhận thức tích cực về tích hợp CNTT. Cụ thể, 65.8% giảng viên coi CNTT là một công cụ hỗ trợ giúp giảm bớt áp lực cho họ (xem Bảng 3). Họ cũng coi đó là một phương pháp cải thiện sự hiểu biết của sinh viên. Do đó, giảng viên thích tích hợp CNTT vào lớp học của họ. Những phát hiện này liên hệ với những phát hiện của Mollaie và Riasati (2013) và Aydin (2013), họ đã phát hiện CNTT giúp học sinh nâng cao việc học. Hơn nữa, điều quan trọng cần lưu ý là NC cho thấy rằng giảng viên EFL tại UNETI tự tin về việc tích hợp CNTT trong lớp học, điều này khác đáng kể so với kết quả của Saqlani và Mahmood (2013), những người đã phát

hiện ra rằng giáo viên EFL lo lắng về việc tích hợp CNTT vào lớp học của họ.

Cuối cùng, NNC nhận thức rằng NC này có một số hạn chế bao gồm số lượng người tham gia ít và không đồng đều từ các nhóm tuổi khác nhau. Số người tham gia trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) nhiều hơn những người tham gia lớn tuổi (trên 40 tuổi). Một hạn chế khác là NC sử dụng bảng câu hỏi trực tuyến, có thể không đến được với những giảng viên không sử dụng CNTT.

V. Kết luận

Việc ứng dụng CNTT trong bài dạy tích hợp nội dung và ngôn ngữ sẽ mang lại nhiều kết quả tích cực. NNC đã tìm hiểu về ảnh hưởng của độ tuổi, trình độ và nhận thức về CNTT của giảng viên đối với việc tích hợp CNTT trong các lớp học EFL tại UNETI. Những phát hiện của NC này cho thấy không có mối quan hệ đáng kể nào giữa độ tuổi của giảng viên và việc tích hợp CNTT. Ngược lại, có sự phân cấp rõ rệt về cả trình độ và nhận thức của họ khi tích hợp CNTT trong giảng dạy EFL. Để thực hiện được yêu cầu này, phải có sự phối hợp đồng bộ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật, toàn bộ giảng viên để xây dựng một hệ thống thông tin hiệu quả, tạo được chuyển biến tích cực trong việc sử dụng CNTT, hỗ trợ việc quản lý, dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng của quá trình đào tạo của toàn Trường. Bên cạnh đó, cũng nên cung cấp cho các lớp học các thiết bị khác nhau như máy tính và bảng thông minh, giúp các em tiếp cận và ứng dụng CNTT, có những trải nghiệm thú vị liên hệ từ nội dung đã học đến thực tế cuộc sống, hoàn thành các dự án, kế hoạch học tập một cách nhanh chóng, hiệu quả và sáng tạo.

Ngoài ra, các NC trong tương lai nên tìm hiểu thêm các yếu tố khác như giới tính và kinh nghiệm của giảng viên trong các bối cảnh cụ thể khác.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ahmadi, D., & Reza, M. (2018). The use of technology in English language learning: A literature review. *International Journal of Research in English Education*, 3(2), 115-125. <https://doi.org/10.29252/ijree.3.2.115>
- [2]. Al-Asmari, A. M. (2005). *The use of the Internet among EFL teachers at the colleges of technology in Saudi Arabia* (Doctoral dissertation, The Ohio State University).
- [3]. Aydin, S. (2013). *Teachers' perceptions about the use of computers in EFL teaching and learning: the case of Turkey*. *Computer Assisted Language Learning*, 26(3), 214-233.
- [4]. Dörnyei, Z. (2007). *Research methods in applied linguistics: Quantitative, qualitative, and mixed methodologies* (pp. 95-123). Oxford: Oxford University Press.
- [5]. Hastings, T. A. (2009). *Factors that predict quality classroom technology use* (Doctoral dissertation, Bowling Green State University).
- [6]. Henry, A. M. (2008). *The relationship of age, gender, and personality style with the level of technology implementation at the university level*. Walden University.
- [7]. Jones, A. (2004). A review of the research literature on barriers to the uptake of ICT by teachers.
- [8]. Mahdi, H. S., & Al-Dera, A. S. A. (2013). The Impact of Teachers' Age, Gender and Experience on the Use of Information and Communication Technology in EFL
- [9]. Mollaei, F., & Riasati, M. J. (2013). Teachers' perceptions of using technology in teaching EFL. *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*,

- 2(1), 13-22. <https://doi.org/10.7575/ijalel.v2n.1p.13>
- [10] M. R. Ahmadi, "The use of technology in English language learning: a literature review", *International Journal of Research in English Education*, Vol. 3, no. 2, pp. 115-125, 2018. <https://doi.org/10.29252/ijree.3.2.115>.
- [11]. Pallant, J. (2013). *SPSS survival manual*. McGraw-Hill Education (UK).
- [12]. Pourhosein Gilakjani, A., & Sabouri, N. B. (2014). Role of Iranian EFL teachers about using Pronunciation Power Software in the instruction of English pronunciation. *English Language Teaching*, 7(1), 139-148. <https://doi.org/10.5539/elt.v7n1p139>
- [13] Saqlain, N., & Mahmood, Z. (2013). English Language Instructors' Perceptions about Technology-Based Language Learning at Northern Border University in Saudi Arabia. *Turkish Online Journal of Educational Technology-TOJET*, 12(2), 106-110.
- [14]. The Centre for the Study of Learning and Performance (CSLP). *Technology Implementation Questionnaire: Version II*. (n.d.) Retrieved from <https://www.concordia.ca/content/dam/artsci/research/cslp/docs/TIQ2.pdf>
- [15]. Zhao, Y., Pugh, K., Sheldon, S., & Byers, J. L. (2002). Conditions for classroom technology innovations. *Teachers' college record*, 104(3), 482-515. <https://doi.org/10.1111/1467-9620.00170>

INTEGRATION OF TECHNOLOGY AMONG VIETNAMESE TEACHERS: A STUDY CASE IN VIETNAM

Pham Thi Thuy[†]

Abstract: *Technology is currently seen as a new trend in education. This study aims to examine the variables influencing the adoption of new technology in EFL classrooms. Teachers' age, level of technological proficiency, and attitude toward technology are among the factors considered. 30 EFL teachers from the Faculty of the University of Economics-Technology for Industries (UNETI) completed a 21-item questionnaire as part of the study. The findings suggest that there is no meaningful correlation between the age of teachers and their use of technology. However, the incorporation of technology in UNETI EFL classrooms was highly correlated with the teachers' technological ability and their perspectives on technology. It is recommended that educators provide classrooms with tools like laptops and smart boards as well as professional development and assistance for teachers integrating technology.*

Keywords: *technology integration, teacher age, technological competency, teachers' perspectives, EFL teachers.*

[†] University of Economics -Technology for Industries